BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CTĐT: Công nghệ phần mềm (Khoa học máy tính) **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**40**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		2
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		2
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		2
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		2
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		2
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		2
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		2
V. Đại cương chung			**26**						
14	IN4500	Nhập môn ngành Khoa học máy tính	1	15	0				1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45	0				1
17	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		GE4091		2
18	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				1
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
21	IN4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0				3
22	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4092		4
23	IN4600	Kỹ năng tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp	3	30	30				4
24	IN4602	Luật CNTT, An ninh mạng và Sở hữu trí tuệ	2	30	0				5
25	IN4008	Kế toán đại cương	2	30	0				3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**125**						
I. Kiến thức cơ sở ngành			**26**						
26	IN4017	Toán rời rạc	3	45	0				1
27	IN4012N	Lập trình căn bản	3	30	30				1
28	IN4219	Xác suất thống kê cho tin học	2	30	0				1
29	IN4307	Đại số tuyến tính	2	30	0				2
30	IN4019N	Lý thuyết đồ thị	2	30	0		IN4017		2
31	IN4002	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	3	30	30		IN4012N		2
32	IN4121	Lập trình hướng đối tượng	3	30	30		IN4002		3
33	IN4107	Cơ sở dữ liệu	3	30	30				2
34	IN4009N	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	2	15	30				2
35	IN4116	Hệ điều hành và mạng	3	30	30		IN4009N		3
II. Kiến thức chuyên ngành			**79**						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**33**						
36	IN4547	Xây dựng AI Agent trên nền tảng .NET	3	30	30		IN4107 IN4121		4
37	IN4229	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	30	0		IN4107		3
38	IN4304	Lập trình Python và ứng dụng	3	30	30		IN4121		4
39	IN4603	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	30	30		IN4002		4
40	IN4146	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	3	30	30		IN4116		4
41	IN4533	Lập trình Back End	3	30	30		IN4547		5
42	IN4515	Phát triển ứng dụng bằng JAVA	3	30	30		IN4121		5
43	IN4309N	Lập trình Web ASPX	3	30	30		IN4547		5
44	IN4305	Kỹ nghệ phần mềm	2	30	0		IN4229		6
45	IN4502N	Lập Trình Web PHP	3	30	30		IN4305		7

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
46	IN4534	Niên luận công nghệ phần mềm	2	0	60		IN4211 IN4228N IN4514N IN4515		7
47	IN4529	Lập trình Front End	3	30	30		IN4309N IN4502N		8
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**16**						
2.2.1. Hệ thống thông tin			**8**						
48	IN4524	Cơ sở dữ liệu thời gian	2	30	0		IN4107		5
49	IN4101	Bảo mật thông tin	2	30	0		IN4116 IN4002		5
50	IN4523	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	30	0		IN4107		5
51	IN4147	Thiết kế và tích hợp giao diện	2	15	30				4
52	IN4208	Tính toán song song	2	15	30		IN4002		4
53	IN4105	Hệ quản trị CSDL SQL Server	2	20	20		IN4107		3
54	IN4505	Hệ quản trị CSDL My SQL và PostgreSQL	2	20	20		IN4107		3
55	IN4516	Hệ quản trị CSDL Oracle	3	30	30		IN4107		3
56	IN4514N	Lập trình Web MVC	3	30	30		IN4309N		6
2.2.1. Trí tuệ nhân tạo			**8**						
57	IN4201P	Khai phá dữ liệu	3	30	30		IN4304		5
58	IN4171N	Thị giác máy tính	3	30	30		IN4002		6
59	IN4175N	Máy học ứng dụng	3	30	30		IN4304 IN4201P		6
60	IN4152N	Xử lý ảnh	3	30	30		IN4002		7
61	IN4548	Cơ sở dữ liệu NoSQL	2	20	20		IN4107		6
2.3. Kiến thức chuyên sâu			**30**						
62	IN4308	IoT và ứng dụng	3	30	30		IN4304		6
63	IN4228N	BlockChain và ứng dụng	3	30	30		IN4547 IN4101		8
64	IN4211	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	3	30	30		IN4547		6
65	IN4558	Lập trình Game cho thiết bị di động	3	30	30		IN4515		7
66	IN4151	Xây dựng ứng dụng phân tán	2	20	20		IN4523 IN4211		7
67	IN4213P	Công nghệ Web	3	30	30		IN4514N IN4147		7
68	IN4559	Lập trình di động IOS	3	30	30		IN4121 IN4147		7
69	IN4560	Lập trình di động Android	3	30	30		IN4515 IN4147		6
70	IN4561	Lập trình di động đa nền tảng	3	30	30		IN4547 IN4147		8
71	IN4173	Quản lý dự án phần mềm	2	30	0		IN4305		8
72	IN4522	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	2	30	0		IN4305		8
III. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**10**						
73	IN4492	Thực tế chuyên ngành Công nghệ phần mềm	1	5	20				7
74	IN4491	Thực tập cơ sở	3	0	90		IN4534		8
75	IN4408	Thực tập tốt nghiệp	6	0	180		IN4534		9
IV. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
4.1. Đồ án tốt nghiệp			10						
76	IN4294N	Đồ án tốt nghiệp	10	0	300		IN4040 IN4534		9
4.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			**10**						
77	IN4206	Thương mại điện tử	3	30	30		IN4502N		9
78	IN4206	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	30	30		IN4502N		9
79	IN4564	Dự án phần mềm	4	0	120		IN4534		9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**165**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			151						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			125						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			26						